

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 21 tháng 6 năm 2007;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

Điều 1. Mức chuẩn để xác định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng và các mức trợ cấp, phụ cấp

1. Mức chuẩn để xác định các mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng theo quy định tại Nghị định này là 1.110.000 đồng.

2. Các bảng mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với từng đối tượng người có công với cách mạng, bao gồm:

- a) Bảng số 1: mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng;
- b) Bảng số 2: mức trợ cấp thương tật đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Bảng số 3: mức trợ cấp thương tật đối với thương binh loại B.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2012.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 52/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng.
3. Các khoản trợ cấp, phụ cấp ưu đãi quy định tại Nghị định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Bảng số 1
MỨC TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI
ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2012/NĐ-CP
ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ)

Đơn vị tính: nghìn đồng

A. MỨC TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG			
TT	Đối tượng người có công	Mức trợ cấp, phụ cấp từ 01/5/2012 (mức chuẩn 1.110.000đ)	
		Trợ cấp	Phụ cấp
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:		
	- Diện thoát ly	1.240	210/1 thâm niên
	- Diện không thoát ly	2.106	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 từ trần	1.110	
	- Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 từ trần	1.860	
2	- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945	1.148	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945 từ trần	622	
	- Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945 từ trần	1302	
3	Thân nhân liệt sĩ:		
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 1 liệt sĩ	1.110	

TT	Đối tượng người có công	Mức trợ cấp, phụ cấp từ 01/5/2012 (mức chuẩn 1.110.000đ)	
		Trợ cấp	Phụ cấp
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 2 liệt sĩ trở lên	1.983	
	- Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân liệt sĩ	1.983	
4	Bà mẹ Việt Nam anh hùng	1.983	931
5	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến	931	
6	- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (sau đây gọi chung là thương binh)	Bảng số 2	
	- Thương binh loại B	Bảng số 3	
	- Thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		557
	- Thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng		1.142
	- Người phục vụ thương binh, thương binh loại B ở gia đình:		
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	1.110	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng	1.427	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên từ trần	622	
	- Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên từ trần	1.302	
7	- Bệnh binh:		
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 41% - 50%	1.159	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 51% - 60%	1.443	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 61% - 70%	1.840	

TT	Đối tượng người có công	Mức trợ cấp, phụ cấp từ 01/5/2012 (mức chuẩn 1.110.000đ)	
		Trợ cấp	Phụ cấp
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 71% - 80%	2.122	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% - 90%	2.540	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 91% - 100%	2.828	
	+ Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		557
	+ Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng		1.110
	- Người phục vụ bệnh binh ở gia đình:		
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	1.110	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng	1.427	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên từ trần	622	
	- Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên từ trần	1.302	
8	- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học:		
	+ Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	2.540	
	+ Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 80% trở xuống	1.840	
	+ Thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, người hưởng chế độ mất sức lao động bị nhiễm chất độc hóa học	1.840	
	- Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học:		
	+ Bị dị dạng, dị tật nặng, không tự lực được trong sinh hoạt	1.110	